

Sở GD và ĐT Thành Phố Đà Nẵng

Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển

Giáo viên soạn: Bùi Thị Tuyết

Ngày soạn: 26/12/2025

Thời gian thực hiện: tuần học 17

Lớp dạy: 10/2, 10/4, 10/6

ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1 - ICT

Môn: Tin học – Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ôn tập những kiến thức đã học trong các bài: 9,12,13,14,16,17,18

- Biết một số công cụ có sẵn trong hộp công cụ.
- Biết được một số chức năng cơ bản của phần mềm thiết kế đồ họa như mở tệp, lưu tệp, lưu với tên khác.
- Biết hai loại đồ họa và hai loại phần mềm đồ họa.
- Phân biệt được đồ họa vector và đồ họa điểm ảnh.
- Hiểu được phần mềm đồ họa.
- Biết các phép ghép trên hai hay nhiều đối tượng đồ họa
- Biết cách thiết lập màu tô màu vẽ và các thuộc tính vẽ màu tô, màu vẽ cho đối tượng.
- Biết các biểu tượng trên thanh điều khiển thuộc tính.
- Biết khái niệm ngôn ngữ lập trình bậc cao và ngôn ngữ lập trình bậc cao Python.
- Phân biệt được chế độ gõ lệnh trực tiếp và chế độ soạn thảo chương trình trong môi trường lập trình Python
- Biết cách thiết lập biến. Phân biệt được biến và từ khóa.
- Biến là gì? Từ khóa là gì? Cú pháp của lệnh gán? Một số từ khóa trong python?
- Biết sử dụng lệnh gán và thực hiện một số phép toán trên kiểu số nguyên(int), số thực(float) và chuỗi ký tự(Str)
- Cú pháp của lệnh input() và lệnh print()
- Hiểu được một số chuyên đổi dữ liệu giữa các kiểu dữ liệu cơ bản

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

2.2. Năng lực chuyên môn:

- Năng lực Tin học;
- Năng lực tính toán.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm, sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá và tham khảo.

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong quá trình học tập và làm việc nhóm; lên án sự gian lận của các nhóm (nếu có).

- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, hoàn thành báo cáo để đưa ra kết quả.

- Chăm chỉ: Chăm học hỏi, có tinh thần tự học; nhiệt tình, năng nổ trong hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, tivi (máy chiếu), bảng phụ (nếu có)

2. **Học liệu:**

- Học sinh: SGK Tin học 10, SBT Tin học 10.

- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ (phiếu học tập), phiếu đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và một số tài liệu có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a. *Mục tiêu:* Giúp HS biết được tổng quát nội dung và hình thức đề thi HKI

b. *Nội dung:* GV đưa ra ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì I.

c. *Sản phẩm:* HS nắm cấu trúc đề thi, các bài học cần ôn tập thi

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra ma trận kiểm tra cuối học kì I

Yêu cầu học sinh nhìn bảng đặc tả ma trận đề, giáo viên giải thích chi tiết về cấu trúc đề thi:

Cấu trúc đề thi gồm 2 phần:

Phần 1: Trắc nghiệm(7 điểm): gồm 12 câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn + trả lời đúng sai

Phần 2: Tự Luận (3 điểm): viết chương trình

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát lắng nghe giáo viên hướng dẫn ôn tập,.

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS thảo luận, cần nắm và những nội dung cần ôn tập và cấu trúc đề để kiểm tra

♦ **Kết luận, nhận định:**

GV nhấn mạnh lại cấu trúc đề thi và dẫn dắt học sinh ôn tập

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1 Câu trắc nghiệm đúng sai.

a. *Mục tiêu:* HS vận dụng được những kiến thức đã ôn tập để làm bài.

b. *Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 1).

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV phát Phiếu học tập số 2 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 2 trong thời gian là 7 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài 16: Trong giờ học môn Tin học, cô giáo chiếu đoạn chương trình sau:

<pre>print(3/2+1*2**2-5//2**2) print("tính 4**3//2", "=",4**3//2) print("kết quả =",31%3+4*2**4-15//2**2)</pre>	Các bạn học sinh khác trong lớp nhận định về đoạn chương trình trên như sau: a. Lệnh print xuất ra màn hình 3 giá trị. (B- ...) b. Phép tính ** là phép nhân. (B- ...) c. Biểu thức 3+*5 có lỗi. (H- ...) d. Lệnh print của dòng 3 xuất ra màn hình là: kết quả = 16 (VD-...)
---	--

Bài 17: Trong giờ học môn Tin học, cô giáo chiếu đoạn chương trình sau:

<pre>>>> S1= "ĐẠI THẮNG" >>> S2= "QUẢNG NAM" >>> S1+ S2 >>> S1*3 >>> S1*0 >>> S1**2</pre>	Các bạn học sinh khác trong lớp nhận định về đoạn chương trình trên như sau: a. Kiểu dữ liệu của S1 là str. (B- ...) b. Dòng 4, phép * là phép nhân giá trị của biến S1 với 3. (B- ...) c. Dòng lệnh thứ 6 sẽ báo lỗi. (H- ...) d. Kết quả của dòng lệnh thứ 3 sẽ đưa ra màn hình: "ĐẠI THẮNG QUẢNG NAM " (VD- ...)
---	--

Bài 18: Trong giờ học môn Tin học, cô giáo chiếu đoạn chương trình sau:

<pre>import math a=float(input("nhập a=")) b=float(input("nhập b=")) c=float(input("nhập c=")) print("chu vi là", a+b+c) p=(a+b+c)/2 print("diện tích là", math.sqrt(p*(p-a)*(p-b)*(p- c)))</pre>	Các bạn học sinh khác trong lớp nhận định về đoạn chương trình trên như sau: a. Lệnh ở dòng thứ hai sai cú pháp. (B- ...) b. Lệnh ở dòng thứ ba thực hiện nhập một số nguyên và gán cho biến b. (B- ...) c. Kiểu dữ liệu của biến p là float. (H- ...) d. Nếu nhập vào cho 3 biến a, b, c lần lượt là các giá trị 3.0, 4.0, 5.0 thì câu lệnh dòng thứ 7 đưa ra màn hình là: DIỆN TÍCH là 6.0. (VD- ...)
---	--

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 1.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.2 Bài 16: NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH BẬC CAO PYTHON

a. Mục tiêu:

- Biết được một số thiết bị thông minh thông dụng và vai trò của thiết bị thông minh trong xã hội, cuộc cách mạng CN lần thứ 4
- Phân biệt thiết bị thông minh và thiết bị điện tử thông thường
- Phân biệt phần cứng và phần mềm
- Thực hiện phân loại được các loại phần mềm

b. Nội dung: GV giao Phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 2).

d. Tổ chức thực hiện:

♦ **Giao nhiệm vụ:**

GV phát Phiếu học tập số 2 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 2 trong thời gian là 7 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Ngôn ngữ lập trình bao gồm?

A. Hợp ngữ, ngôn ngữ máy.
bậc cao.

B. Hợp ngữ, ngôn ngữ lập trình

C. Hợp ngữ, ngôn ngữ máy, ngôn ngữ lập trình bậc cao.

D. Ngôn ngữ máy, ngôn ngữ lập

trình bậc cao

Câu 2: Ngôn ngữ lập trình bậc cao là

A. Là ngôn ngữ ở dạng mã nhị phân

B. Là ngôn ngữ sử dụng một số từ viết tắt (thường là Tiếng Anh)

C. Là ngôn ngữ gần với ngôn ngữ tự nhiên, giúp cho việc đọc, hiểu chương trình dễ dàng hơn.

D. Là ngôn ngữ mô tả thuật toán dưới dạng văn bản.

Câu 3: Môi trường lập trình Python có bao nhiêu chế độ làm việc?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 4: Em hãy chọn KHẲNG ĐỊNH ĐÚNG trong các khẳng định dưới đây?

A. Lệnh print() chỉ có thể in ra một giá trị (số hoặc xâu kí tự).

B. Lệnh print() có thể in ra một hoặc nhiều giá trị (số hoặc xâu kí tự).

C. Lệnh print() có thể in ra một hoặc nhiều giá trị nhưng chỉ in giá trị số.

D. Lệnh print() có thể in ra một hoặc nhiều giá trị nhưng chỉ in giá trị xâu kí tự.

Câu 5: Ngôn ngữ lập trình Python thuộc ngôn ngữ:

A. Ngôn ngữ máy

B. Hợp ngữ

C. Ngôn ngữ lập trình bậc cao

D.

Chương trình dịch

Câu 6 : Em hãy chọn dòng lệnh có lỗi trong các dòng lệnh dưới đây

A. >>>print(20)

B. >>>print("Dãy ba số chẵn: ", 1, 2, 3)

C. >>>"Bạn là học sinh tên "Nguyễn Việt Anh""

D. >>>print("Bạn là học sinh lớp 10")

Câu 7: Em hãy chọn KHẲNG ĐỊNH ĐÚNG trong các khẳng định dưới đây?

A. Ở chế độ gõ lệnh trực tiếp, gõ một lệnh, nhấn phím Enter sẽ chạy ngay.

B. Ở chế độ soạn thảo gõ một lệnh, nhấn phím Enter sẽ chạy ngay.

C. Ở chế độ gõ lệnh trực tiếp không có dấu nhắc >>>, thay vào đó chọn File/New File để hoàn chỉnh.

D. Ở chế độ soạn thảo gõ mỗi lệnh trên một dòng sau dấu nhắc >>> rồi nhấn Enter để chạy chương trình.

Câu 8: Em hãy chọn đáp án đúng về kết quả thực hiện câu lệnh sau:

>>> print(1.4 + 6, 15, "Giáng Sinh")

A. 7.4 15 Giáng Sinh

B. 7.4, 15, Giáng Sinh

C. 7.4 15 'Giáng Sinh'

D.

7.4, 15, "Giáng Sinh"

Câu 9: Em hãy cho biết đoạn chương trình sau in ra kết quả gì?

```
>>> n=3
>>> m=11
>>> k=n+m
>>> print(k)
```

A. 4

B. 45

C. 14

D. -4

Câu 10: Trong python để đưa dữ liệu ra màn hình là

A. print(v1, v2,..., vn)

B. frint(v1, v2,..., vn)

C. printf(v1, v2,..., vn)

D. print(v1, v2,..., vn) ;

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 2.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

2.3. Bài 17 biến và lệnh gán. (7 phút)

a. *Mục tiêu:*

- Hiểu được thiết bị số cá nhân thông dụng có những gì.
- Giải thích được một số tính năng tiêu biểu của thiết bị số cá nhân thông dụng
- Khai thác sử dụng một số ứng dụng và dữ liệu trên các thiết bị số

b. *Nội dung:* GV phát Phiếu học tập số 3.

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 3).

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- GV phát Phiếu học tập số 3 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 3 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 2: Các tên biến nào dưới đây là KHÔNG hợp lệ trong Python?

A. _name

B. 12Name

C. Mycountry

D. bai_1

Câu 3: Các tên biến nào dưới đây là KHÔNG hợp lệ trong Python?

A. _If

B. globa

C. nlocal

D. If

Câu 4: Các phép toán cơ bản với dữ liệu kiểu số (số thực và số nguyên) trong Python là gì?

A. +, -, *, /

B. +, -, *, /, //, %, **

C. +, -, *, /, %

D. +, -, *, %, **

Câu 5: Hãy cho biết sau khi thực hiện các lệnh sau, kết quả nhận được là gì?

```
>>> s1 = "Quảng Nam"
```

```
>>> s2 = "yêu thương"
```

```
>>> s1 + s2
```

A. 'Quảng Nam yêu thương'

B. 'Quảng Nam'

C. 'Quảng Nam yêu thương'

D. 'Quảng Namyêu thương'

Câu 6: Hãy cho biết sau khi thực hiện các lệnh sau, giá trị các biến x, y là bao nhiêu?

```
>>> x, y = 9, 4
```

```
>>> x, y = y, x
```

A. x = 9, y = 4

B. x = 13, y = 13

C. x = 0, y = 0

D. x = 4, y = 9

Câu 7: Lệnh sau sẽ in ra kết quả gì?

```
>>> print("đồ rê mi " * 3 + "pha son la si đô " * 2)
```

A. đồ rê mi pha son la si đô

B. đồ rê mi đồ rê mi đồ rê mi pha son la si đô pha son la si

đô

C. đồ rê mi đồ rê mi pha son la si đô

D. đồ rê mi đồ rê mi pha son la si đô pha son la si

đô

Câu 8: Sau các lệnh dưới đây, các biến a, b nhận giá trị bao nhiêu?

```
>>> a, b = 2, 3
```

```
>>> a, b = a + b, a - b
```

A. a = 5, b = -1

B. a = 5, b = 1

C. a = -1, b = 5

D. a = 1, b = 5

Câu 9: Sau các lệnh dưới đây, các biến x, y nhận giá trị bao nhiêu?

```
>>> x = 10
```

```
>>> y = x**2 - 1
```

```
>>> x = x//2 + y%2
```

A. x = 54, y = 99

B. x = 6, y = 99

C. x = 10, y = 19

D. x = 6, y = 6

Câu 10: Cho R là bán kính hình tròn, để tính Chu vi hình tròn ta thực hiện

```
>>> R = 4.5
```

```
>>> Pi = 3.14
```

A. print("Chu vi hình tròn là:", 2*R)

B. print("Chu vi hình tròn là:", 4*R*pi)

C. print("Chu vi hình tròn là:", 2*R*pi)

D. print("Chu vi hình tròn là:", R*pi)

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 3.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (2 phút)

a. *Mục tiêu:* HS vận dụng được những kiến thức đã ôn tập để làm bài.

b. *Nội dung:*

- GV giao đề minh họa cho HS về nhà thực hiện.
- GV đánh giá chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình học

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm bài tập về nhà trong vở của HS.

d. *Tổ chức thực hiện:*

- ♦ **Giao nhiệm vụ:** GV giao bài tập cho HS thực hiện viết chương trình.

Bài 1: Cho hình tròn có bán kính r là số thực được nhập từ bàn phím. Viết chương trình tính diện tích (S) và chu vi (P) hình tròn.

Bài 2: Cho hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b là số nguyên được nhập từ bàn phím. Viết chương trình tính diện tích (S) và chu vi (P) hình chữ nhật.

Bài 3: Viết chương trình nhập ba số thực dương a, b, c ($a, b, c > 0$ và thỏa mãn bất đẳng thức tam giác, với p là nửa chu vi tam giác).

Bài 4: Cho hình thang có cạnh đáy lớn a, cạnh đáy bé b và chiều cao h là số nguyên được nhập từ bàn phím. Viết chương trình tính diện tích (S) hình thang.

Bài 5: Cho hình tam giác có cạnh đáy a và chiều cao g là số thực được nhập từ bàn phím. Viết chương trình tính diện tích (S) hình tam giác.

Câu 6: Cho hình vuông có cạnh là a . Viết chương trình tính diện tích (S) và chu vi (P) hình vuông.

